- Mã trường: **VJU**

**-** Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển và tổ hợp xét tuyển:

| **TT** | **Tên ngành/chương trình đào tạo** | **Mã xét tuyển** | **Tổ hợp xét tuyển** |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tuyển sinh theo ngành* |  |  |  |  |  |
|  | Nhật Bản học | 7310613 | A01D28 | D01D06 | D14D63 | D78D81 |
|  | Khoa học và Kỹ thuật máy tính | 7480204 | A00 | A01D28 | D07D23 | D08D33 |
|  | Kỹ thuật xây dựng | 7580201 | A00 | A01D28 | D01D06 |  |
|  | Kĩ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)  | 7520114 | A00 | A01D28 | D07D23 |  |
| *Tuyển sinh theo nhóm ngành* |  |  |  |  |  |
| Công nghệ thực phẩm và nông nghiệp\* | VJU1 | A00 | B00 | A01D28 | D01D06 |
| 5. | Công nghệ thực phẩm và sức khỏe  |
| 6. | Nông nghiệp thông minh và bền vững |

*(\*): - Thí sinh sử dụng mã VJU1 khi đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

*- Điều kiện phân ngành của các CTĐT có cùng mã xét tuyển (VJU1):*

*+ Thời điểm phân ngành: Sau năm học thứ nhất tại Trường;*

*+ Tiêu chí phân ngành:*

*\* Thí sinh đạt điều kiện trúng tuyển theo các phương thức xét tuyển sớm vào một trong hai CTĐT thuộc Nhóm ngành VJU1 được quyền bảo lưu nguyện vọng đối với CTĐT đó;*

*\* Các thí sinh còn lại hoặc có nguyện vọng chuyển sang CTĐT khác thuộc Nhóm ngành được xét theo điểm trung bình chung tích lũy học tập của năm học thứ nhất trong trường hợp CTĐT đó còn chỉ tiêu đào tạo.*

- Tổ hợp xét tuyển:

|  |  |
| --- | --- |
| A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh | A00: Toán, Vật lí, Hóa học |
| D28: Toán, Vật lí, Tiếng Nhật | B00: Toán, Vật lí, Sinh học |
| D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh | D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh |
| D06: Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật | D23: Toán, Hóa học, Tiếng Nhật |
| D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh | D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh |
| D63: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Nhật | D33: Toán, Sinh học, Tiếng Nhật |
| D78: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Anh | D81: Ngữ văn, Khoa học xã hội, Tiếng Nhật |